

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2434 /QĐ-UBND

Nghệ An, ngày 17 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2.000
Khu B - Khu công nghiệp Thọ Lộc tại xã Diễn Phú và xã Diễn Lộc,
huyện Diễn Châu, thuộc Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 27/4/2010 về việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ Quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Quyết định số 93/QĐ-TTg ngày 15/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, tỉnh Nghệ An đến năm 2040;

Căn cứ Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 29/8/2024 của HĐND tỉnh về việc Thông qua đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2.000 Khu B - Khu công nghiệp Thọ Lộc tại xã Diễn Phú và xã Diễn Lộc, huyện Diễn Châu, thuộc Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An;

Căn cứ Quyết định 62/2022/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của UBND tỉnh Ban hành quy định phân công, phân cấp quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Theo đề nghị của Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam tại Công văn số 1351/KKT-QHXD ngày 15/8/2024 về việc báo cáo kết quả thẩm định, trình phê duyệt đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2.000 Khu B - Khu công nghiệp Thọ Lộc tại xã Diễn Phú và xã Diễn Lộc, huyện Diễn Châu, thuộc Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2.000 Khu B - Khu công nghiệp Thọ Lộc tại xã Diễn Phú và xã Diễn Lộc, huyện Diễn Châu, thuộc Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, với các nội dung như sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2.000 Khu B - Khu công nghiệp Thọ Lộc tại xã Diễn Phú và xã Diễn Lộc, huyện Diễn Châu, thuộc Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An.

2. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An.

3. Đơn vị tư vấn lập quy hoạch: Liên danh Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Thành Nam và Công ty Cổ phần Tư vấn khảo sát và dịch vụ trắc địa bản đồ.

4. Phạm vi ranh giới, quy mô diện tích và niên độ lập quy hoạch:

4.1. Phạm vi ranh giới: Tại xã Diễn Phú và xã Diễn Lộc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An. Phạm vi ranh giới như sau:

- Phía Bắc giáp: Đường quy hoạch rộng 24m, 30m và đường nhựa liên xã hiện trạng;
- Phía Nam giáp: Đường quy hoạch rộng 30m;
- Phía Đông giáp: Đường quy hoạch rộng 24m;
- Phía Tây giáp: Đường quy hoạch rộng 30m.

4.2. Quy mô diện tích quy hoạch: Quy mô nghiên cứu lập quy hoạch 215,15ha. Trong đó:

- Diện tích quy hoạch Khu B - Khu công nghiệp Thọ Lộc: 179,43ha.
- Diện tích đất ngoài khu công nghiệp (đường giao thông đối ngoại, cây xanh và kênh nước): 35,72ha.

4.3. Niên độ quy hoạch: Đến năm 2040.

5. Mục tiêu, tính chất, chức năng:

5.1. Mục tiêu:

- Cụ thể hóa đồ án Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, tỉnh Nghệ An đến năm 2040 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 93/QĐ-TTg ngày 15/02/2023.

- Hình thành khu vực sản xuất công nghiệp có cơ sở hạ tầng đồng bộ, hiệu quả, bền vững; phát huy được các lợi thế của khu vực, phục vụ thu hút đầu tư trong và ngoài nước.

- Góp phần đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế xã hội, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp phát triển sản xuất kinh doanh, giải quyết việc làm cho người lao động địa phương, tăng nguồn thu cho ngân sách.



- Làm cơ sở pháp lý cho việc lập kế hoạch đầu tư xây dựng và quản lý các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật của khu công nghiệp theo quy hoạch được duyệt.

5.2. Tính chất, chức năng:

Là Khu công nghiệp tổng hợp đa ngành, công nghiệp sạch, có công nghệ kỹ thuật cao, có giá trị gia tăng cao; Sản xuất thiết bị điện, Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học; Sản xuất mô tô, xe máy, ô tô và xe có động cơ khác; Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu; Ngành sản xuất chế biến thực phẩm; Sản xuất đồ uống; Các ngành công nghiệp nhẹ; Công nghiệp phụ trợ; Sản xuất trang phục; Sản xuất sản phẩm từ kim loại; Sản xuất vật liệu xây dựng; Ngành công nghiệp chế biến chế tạo; Ngành dệt; Sản xuất các sản phẩm từ da; Sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất; Sản xuất sản phẩm từ cao su; Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ; Sản xuất các sản phẩm từ giấy, in sao chép bản ghi các loại; Cho thuê kho bãi, nhà xưởng xây sẵn; Kho bãi, Logistics và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải; Các ngành sản xuất kinh doanh khác phù hợp quy định hiện hành.

Việc thu hút các dự án thứ cấp vào Khu B – Khu công nghiệp Thọ Lộc có ngành nghề phải phù hợp với Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Quy hoạch phát triển công nghiệp của tỉnh, đảm bảo điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài; dây chuyền công nghệ không nằm trong danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao và công nghệ cấm chuyển giao vào Việt Nam; đảm bảo sự đáp ứng của hạ tầng bảo vệ môi trường, đảm bảo khoảng cách môi trường, phù hợp báo cáo đánh giá tác động môi trường của khu công nghiệp; được các cơ quan có thẩm quyền đánh giá, thẩm định theo đúng quy định.

6. Cơ cấu phân khu chức năng:

- Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp được bố trí tiếp cận các tuyến giao thông chính của khu công nghiệp từ giao thông đối ngoại.

- Đất Khu dịch vụ bố trí tại cửa ngõ khu công nghiệp (phía Tây và phía Nam khu quy hoạch).

- Đất cây xanh cách ly bố trí quanh khu công nghiệp, tạo lập vành đai xanh cảnh quan và cách ly môi trường ($\geq 10m$). Đất cây xanh cảnh quan bố trí quanh khu vực kênh nước giáp ranh khu công nghiệp và xung quanh toàn bộ khu vực nhà máy, xí nghiệp nhằm tạo không gian cảnh quan xanh, cải thiện môi trường.

- Đất xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật đầu mối: Trạm xử lý nước thải, đầu mối cấp nước, cấp điện điện, điểm tập trung rác,... bố trí tại các vị trí tiếp giáp với trục giao thông chính của khu công nghiệp và các tuyến đường giao thông đối ngoại thuận lợi đầu nối, thu gom nước thải, chất thải trong quá trình vận hành lâu dài của khu công nghiệp.

- Đất giao thông: Bao gồm các tuyến đường giao thông nội bộ và các nút giao thông đầu nối với hệ thống giao thông đối ngoại.

7. Danh mục chức năng sử dụng đất và các chỉ tiêu kỹ thuật (Bản vẽ QH-04):

7.1. Bảng tổng hợp sử dụng đất:

STT	Chức năng	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
(A+B)	Diện tích nghiên cứu lập quy hoạch	215,15	
A	Diện tích đấu nối hạ tầng kỹ thuật ngoài khu công nghiệp (đường giao thông, cây xanh, kênh mương,...)	35,72	
B	Diện tích quy hoạch khu công nghiệp	179,43	100,00
1	Đất sản xuất công nghiệp, kho bãi	129,57	72,22
	Đất sản xuất công nghiệp, kho bãi	124,55	69,42
	Đất sản xuất công nghiệp, kho bãi (*)	5,02	2,80
2	Đất dịch vụ	4,77	2,66
3	Đất cây xanh, mặt nước	23,21	12,93
	Đất cây xanh	18,36	10,23
	Mặt nước	4,85	2,70
4	Đất hạ tầng kỹ thuật	2,26	1,26
5	Đất giao thông	19,62	10,93

Ghi chú:

(*) Đất sản xuất công nghiệp, kho bãi dành cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP.

7.2. Các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất:

- Đất sản xuất công nghiệp kho bãi: 129,57ha; Mật độ xây dựng tối đa: 70%; Tầng cao tối đa: 05 tầng; Hệ số sử dụng đất tối đa: 3,50 lần.

- Đất dịch vụ: 4,77ha; Mật độ xây dựng tối đa: 65% (DV-01) và 67% (DV-02); Tầng cao tối đa: 09 tầng; Hệ số sử dụng đất tối đa: 5,85% (DV-01) và 6,03 lần (DV-02).

- Đất cây xanh, mặt nước: 23,21ha; Mật độ xây dựng tối đa: 5%; Tầng cao tối đa: 01 tầng; Hệ số sử dụng đất tối đa: 0,05 lần.

- Diện tích Đất hạ tầng kỹ thuật: 2,26ha; Mật độ xây dựng tối đa: 40%; Tầng cao tối đa: 02 tầng; Hệ số sử dụng đất tối đa: 0,80 lần.

8. Quy hoạch không gian, kiến trúc cảnh quan (Bản vẽ QH-05):

- Tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan trong khu công nghiệp căn cứ vào ranh giới khu đất. Phát triển các tuyến giao thông mới để tạo nên trục chính Đông - Tây, Bắc - Nam nội bộ khu công nghiệp và các hệ thống giao thông phụ khác được

phát triển theo mạng lưới ô bàn cờ, tạo điều kiện thuận lợi để lưu thông, bố trí các công trình sản xuất, kho tàng, dịch vụ... cho khu công nghiệp.

- Đất công nghiệp để xây dựng các nhà máy, kho tàng theo tính chất, chức năng và các chỉ tiêu quy hoạch của khu công nghiệp. Diện tích các lô đất bố trí linh hoạt, có thể lựa chọn quy mô từng dự án với dây chuyền công nghệ, nhu cầu của từng nhà đầu tư thứ cấp.

- Đất dịch vụ để xây dựng các công trình dịch vụ, tiện ích công cộng cho người lao động làm việc trong khu công nghiệp, bao gồm: công trình giáo dục, đào tạo, nghiên cứu; công trình y tế; công trình thể thao, văn hoá, công viên; công trình thương mại; cơ sở lưu trú; công trình dịch vụ và các công trình kết cấu khác được xây dựng phục vụ trực tiếp cho người lao động làm việc trong khu công nghiệp.

- Hệ thống không gian cây xanh tập trung được bố trí xen kẽ giữa các lô đất kết hợp với cây xanh dọc các tuyến đường và cây xanh bao quanh khu công nghiệp sẽ là hệ thống cây xanh sinh thái và cảnh quan tốt.

- Hệ thống thoát nước trong khu công nghiệp ưu tiên theo hướng thoát nước tự nhiên đồng thời kết hợp yếu tố phân lưu vực, bơm tăng áp để xử lý thoát nước tối ưu nhất.

- Đất hạ tầng kỹ thuật: Bố trí Trạm xử lý nước thải tại phía Đông, Trạm bơm tăng áp + PCCC và trạm điện tại phía Bắc.

- Khu văn phòng cho đội PCCC của khu công nghiệp được đặt tại vị trí đất dịch vụ của khu vực lập quy hoạch.

- Cơ cấu tổ chức không gian bao gồm: Đất sản xuất công nghiệp, kho bãi; Đất dịch vụ; Đất cây xanh, mặt nước; Đất hạ tầng kỹ thuật; Đất giao thông.

(Các công trình nhà thể hiện trên bản vẽ QH-05 là minh họa. Cụ thể vị trí, quy mô, kích thước, hình dạng các công trình nhà được xác định theo dự án đầu tư và hồ sơ quy hoạch chi tiết đảm bảo theo đúng các chỉ tiêu quy hoạch này).

9. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật:

9.1. Giao thông (Bản vẽ QH-07):

a) Thiết kế mạng lưới giao thông:

- Giao thông đối ngoại, gồm: Tuyến đường có mặt cắt B-B, lộ giới theo quy hoạch là 36m; Tuyến đường có mặt cắt C-C, lộ giới theo quy hoạch là 30m; Tuyến đường có mặt cắt D-D, lộ giới theo quy hoạch là 24m.

- Các tuyến đường nội bộ, gồm: Tuyến đường có mặt cắt 1-1, chỉ giới đường đỏ rộng 52m, lòng đường rộng 2x7,5m, dải phân cách rộng 25m (bao gồm mương thoát nước rộng 15m và dải trồng cỏ 2 bên mương rộng 2x5m), vỉa hè hai bên rộng 2x6m; Tuyến đường có mặt cắt 1A-1A, chỉ giới đường đỏ rộng 45m, lòng đường rộng 2x7,5m, dải phân cách rộng 18m (bao gồm mương thoát nước rộng 8m và dải trồng cỏ 2 bên mương rộng 2x5m), vỉa hè hai bên rộng 2x6m; Tuyến đường có mặt cắt 2-2, chỉ giới đường đỏ rộng 35,0m, lòng đường rộng 2x7,5m, dải phân cách

rộng 10m, vỉa hè hai bên rộng 2x5m; Tuyến đường có mặt cắt 3-3, chỉ giới đường đỏ rộng 22,0m, trong đó lòng đường rộng 12m, vỉa hè hai bên rộng 2x5m.

b) Chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng:

Chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng các tuyến đường tuân thủ theo quy mô bề rộng lộ giới, được xác định cụ thể theo mặt cắt ngang đường được thể hiện trên Bản đồ quy hoạch giao thông và chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng, tỷ lệ 1/2.000.

9.2. Chuẩn bị kỹ thuật (San nền, thoát nước mưa):

a) San nền (Bản vẽ QH-08A):

- Cao độ khống chế nền được tính toán trên cơ sở tuân thủ đồ án Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, tỉnh Nghệ An đến năm 2040 đã được phê duyệt, đảm bảo yêu cầu tiêu thoát nước, đồng thời nghiên cứu kết nối đồng bộ với cao độ nền của các khu vực dân cư lân cận, nhằm hạn chế sự chênh lệch cao độ hiện trạng và cao độ khu vực theo thiết kế, tránh gây úng ngập cục bộ, đồng thời cân đối khối lượng điều phối đào đắp đất của đồ án.

- Hướng dốc san nền chung của toàn khu theo hướng từ Nam ra Bắc và từ Tây sang Đông, định hướng dốc về phía muong thoát nước. Cao độ san nền cao nhất là +7,75m và thấp nhất là +5,50m.

b) Thoát nước mưa (Bản vẽ QH-08B):

- Thoát nước cho khu vực trong ranh giới quy hoạch:

+ Hướng thoát nước chính từ Nam về Bắc, từ Tây sang Đông. Hệ thống kênh hở chạy xuyên suốt từ phía Tây về phía Đông, vị trí trung tâm từ lõi vào chính của KCN thuận lợi cho việc thiết kế các lưu vực nhỏ đầu nối vào.

+ Toàn bộ nước mưa phần diện tích hai bên tuyến kênh hở được thu gom vào tuyến cống thoát nước D600 đến D1500, sau đó đầu nối vào kênh qua các cửa xả. Các lô đất khu công nghiệp tiếp giáp kênh hở bố trí các hố ga chờ cho các dự án thứ cấp và đầu nối trực tiếp ra kênh hở.

+ Hệ thống kênh chính được thiết kế với bề rộng mặt B=20m và B=8m. Hệ thống cống hộp có khẩu độ BxH=1,5x1,5m đến BxH=2,5x2,5m; cống hộp đôi BxH= 2x(2x2,5)m đến BxH= 2x(2,5x2,5)m... nối thông hệ thống kênh với nhau.

+ Hệ thống thoát nước dùng cống tròn bê tông cốt thép chịu tải trọng được đặt dưới vỉa hè và cống hộp chịu lực đi qua đường. Trên mạng lưới cống thoát nước bố trí các hố ga thu, ga thăm. Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế tự chảy.

+ Kênh hở được đầu nối với kênh Nhà Lê ở phía Đông và phía Nam khu vực lập quy hoạch.

- Thoát nước cho khu vực ngoài ranh giới quy hoạch:

+ Khu vực có hướng thoát nước Tây Nam - Đông Bắc, thoát về ranh giới khu công nghiệp, do đó một phần thoát nước ra khe Chuông Đông và kênh số 3 hoàn trả theo quy hoạch chung, một phần thoát ra rãnh thoát nước bờ bên đường quy hoạch 36m.

+ Khu vực có hướng thoát nước Tây Nam - Đông Bắc thoát về tuyến kênh hiện trạng rộng 5-7m giáp ĐH256, không thoát về phía ranh giới khu công nghiệp.

9.3. Cấp nước (Bản vẽ QH-09):

- Tổng nhu cầu cấp nước cho dự án khoảng $12.000 \text{ m}^3/\text{ngàyđêm}$ và đã bao gồm lưu lượng nước chữa cháy dự kiến là 2.160 m^3 .

- Nguồn cấp nước: Từ nhà máy nước Diên Thọ theo định hướng quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Đông Nam và các nhà máy nước khác theo nhu cầu thực tế.

- Hệ thống đường ống cấp nước:

+ Mạng lưới đường ống gồm các loại đường kính D110 đến D315 được tổ chức là mạng vòng khép kín kết hợp mạng nhánh đi dọc theo các trục đường giao thông. Các tuyến ống được lắp đặt phía trước các lô đất và có đồng hồ van chặn để tiện cho công tác vận hành, quản lý.

+ Hệ thống cấp nước chữa cháy được thiết kế chung với mạng cấp nước sinh hoạt, dọc theo các tuyến ống cấp nước được bố trí các trụ cứu hỏa (áp lực nước tối thiểu tại trụ cứu hỏa là 10m cột nước) với khoảng cách tối đa 150m/trụ để đảm bảo bán kính phục vụ.

9.4. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường (Bản vẽ QH-10):

a) Thoát nước thải:

- Tổng lượng nước thải của toàn khu quy hoạch khoảng $7.500 \text{ m}^3/\text{ngàyđêm}$. Mạng lưới thoát nước thải trong công nghiệp là hệ thống thoát nước riêng, độc lập với thoát nước mưa.

- Nước thải của khu công nghiệp được thu gom thông qua mạng lưới cống tròn bê tông cốt thép có các loại đường kính D300 đến D400 và đưa về trạm xử lý nước thải tập trung công suất $7.500 \text{ m}^3/\text{ngàyđêm}$ ở phía Đông khu quy hoạch (Lô HTKT-02) để xử lý theo đúng quy định, đạt tiêu chuẩn loại A trước khi được xả ra môi trường.

b) Quy hoạch, thu gom xử lý chất thải rắn:

Chất thải rắn trong khu vực quy hoạch được thu gom trực tiếp thông qua hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom vận chuyển chất thải rắn và được xử lý tại các nhà máy xử lý rác thải có đủ điều kiện.

9.5. Cấp điện, chiếu sáng (Bản vẽ QH-11,12):

- Tổng công suất yêu cầu theo phụ tải đặt của khu vực khoảng: 65MVA.

- Nguồn cấp điện 22kV: Được lấy từ trạm biến áp 110kV KCN Thọ Lộc 3 với công suất là 2x63MVA xây dựng mới.

- Lưới điện 22KV: Lộ cấp cho khu công nghiệp bao gồm hệ thống cấp điện trung áp 22kV sử dụng cáp đi trên không bằng cột bê tông ly tâm hoặc cáp điện đi ngầm cấp điện cho các lô đất trong quy hoạch khu công nghiệp; Các đường trung thế 22kV được quy hoạch kiểu mạch vòng, vận hành hở.



- Lưới điện chiếu sáng: Nguồn cấp cho hệ thống chiếu sáng được cấp điện từ các trạm biến áp phân phối hạ thế. Đèn đường được bố trí dọc theo các tuyến đường có khoảng cách trung bình từ 30÷40m. Đối với đường có bề rộng mặt đường $\leq 12\text{m}$ sẽ bố trí trụ đèn chiếu sáng một bên đường. Các đường có bề rộng mặt đường $> 12\text{m}$ sẽ bố trí trụ đèn chiếu sáng ở hai bên đường.

9.6. Hệ thống thông tin liên lạc (Bản vẽ QH-13):

- Đầu tư xây dựng một hệ thống viễn thông hoàn chỉnh, có khả năng kết nối đồng bộ với hệ thống bưu chính cơ sở và mạng viễn thông quốc gia bao gồm các nội dung sau:

+ Hệ thống viễn thông là hệ thống ngầm, được ghép nối vào mạng viễn thông của khu vực;

+ Công cấp trực chính dưới vỉa hè sử dụng ống nhựa U.PVC D110, qua đường sử dụng ống thép mạ kẽm DN100 chôn ngầm trong đất, chiều sâu chôn ống đảm bảo theo quy phạm dẫn đến từng lô đất của các nhà máy trong khu công nghiệp;

+ Khoảng cách giữa các ga công cấp kỹ thuật trung bình từ 50m÷70m;

+ Xây dựng các trạm BTS với bán kính từ 300~500m/trạm BTS (sử dụng cho mạng thông tin di động 3G, 4G, 5G). Trạm thu phát sóng bố trí dưới dạng ngụy trang tại khu vực cây xanh, dải phân cách hoặc trên vỉa hè đường tùy từng vị trí đảm bảo tính mỹ quan khu công nghiệp.

- Hệ thống thông tin liên lạc được thiết kế đồng bộ với các hệ thống cấp điện, chiếu sáng nhằm đảm bảo tính đồng bộ của công trình. Nhà cung cấp dịch vụ sẽ đầu tư khai thác hệ thống thông tin.

- Tổng nhu cầu thuê bao toàn khu vực lập quy hoạch khoảng: 1.750 thuê bao.

9.7. Đề xuất giải pháp bảo vệ môi trường:

Đánh giá tác động môi trường trong quá trình xây dựng cơ sở hạ tầng, vận hành toàn bộ các khu chức năng trong khu công nghiệp. Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến môi trường không khí, môi trường nước, môi trường đất, môi trường cảnh quan, kinh tế xã hội....Thực hiện các biện pháp bảo vệ và giảm thiểu tác động ô nhiễm môi trường nhằm đạt tới môi trường bền vững gồm:

- Bảo vệ môi trường không khí: Giảm lượng bụi, khí thải, tiếng ồn, dầu mỡ trong khu vực xây dựng bằng các biện pháp khác nhau. Kiểm soát ô nhiễm trong quá trình xây dựng dự án. Trồng cây xanh cách ly, cây xanh ven đường để giảm nồng độ chất ô nhiễm trong không khí tại các tuyến giao thông có mật độ cao.

- Bảo vệ môi trường nước: Quản lý việc xả nước thải vào nguồn tiếp nhận. Kiểm soát việc thu gom chất thải rắn để tránh tình trạng ô nhiễm môi trường. Đảm bảo diện tích cây xanh cách ly khu công nghiệp với dân cư.

- Biện pháp xử lý chất thải rắn: Chất thải rắn phải được thu gom hàng ngày và vận chuyển đến khu xử lý, đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Xây dựng hệ thống quan trắc và giám sát định kỳ về môi trường đất, nước, địa chất, không khí, tiếng ồn, rác thải, biến động hệ sinh thái tại khu vực, các điểm có khả năng gây ra sự cố môi trường, các khu vực nhạy cảm về môi trường.

10. Ban hành kèm theo Quyết định này bộ bản vẽ Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2.000 Khu B - Khu công nghiệp Thọ Lộc tại xã Diễn Phú và xã Diễn Lộc, huyện Diễn Châu, thuộc Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An và Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch được phê duyệt.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Giao Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam chủ trì, phối hợp UBND huyện Diễn Châu và các cơ quan liên quan:

- Tổ chức công bố công khai đồ án Quy hoạch và bàn giao hồ sơ Quy hoạch được duyệt để các cơ quan, địa phương liên quan thực hiện chức năng quản lý theo quy định.

- Tổ chức quản lý quy hoạch, phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu xây dựng kế hoạch để thực hiện quy hoạch theo tiến độ và trình tự được phê duyệt, đúng các quy định hiện hành.

2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Diễn Châu: Căn cứ đồ án quy hoạch được phê duyệt, rà soát, tham mưu thực hiện các nội dung liên quan để việc triển khai quy hoạch đảm bảo tính khả thi, đồng bộ.

Điều 3. Điều khoản thi hành.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban ngành, cơ quan cấp tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Diễn Châu; Chủ tịch UBND các xã: Diễn Phú, Diễn Lộc, huyện Diễn Châu; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận: *HL*

- Như Điều 3;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Phòng CN;
- Lưu: VT, CN(N.A.Tuấn).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



*** Bùi Thanh An**